

Bản án số: 4908/2024/DS-ST

Ngày: 30/9/2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bình Minh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1288/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6754/2024/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 7739/2024/QĐST- DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (gọi tắt là Ngân hàng A);

Địa chỉ trụ sở chính: D N, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện pháp luật: Ông Từ Tiến P, sinh năm: 1974;

Chức danh: Tổng Giám đốc;

Địa chỉ: Căn hộ F, G đường Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện ủy quyền:

- Ông Nguyễn Đình L;

Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ;

(theo Giấy ủy quyền số 1285/UQ/QLN.22 ngày 05/7/2022);

- Ông Võ Minh T,

Chức danh: Nhân viên xử lý nợ;

(theo Giấy ủy quyền số 566/UQ-QLN.24 ngày 22/4/2024); (có mặt);

Bị đơn: Ông Dương Hoài V, sinh năm: 1982;

Địa chỉ thường trú: 8.17 A3 chung cư T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên hệ: 422 (tầng C) V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2023 và trong quá trình tố tụng, ông Võ Minh T là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A trình bày như sau:

Ngân hàng A cấp tín dụng cho ông Dương Hoài V căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 29/12/2015; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng A; các văn bản khác của ông V ký với Ngân hàng A về việc sử dụng thẻ tín dụng; chi tiết như sau: số thẻ: 4365991000099466, ngày cấp 30/12/2015, loại thẻ Visa Platium EMV, hiệu lực thẻ: tháng 12/2018, lãi suất theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng A;

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông V đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng A theo Thông báo giao dịch hàng tháng, do đó, ngày 20/4/2020, Ngân hàng A đã chuyển khoản nợ thẻ của ông V sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn;

Ngày 03/11/2022, Ngân hàng A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Dương Hoài V;

Tính đến ngày 24/4/2022, số tiền ông V giao dịch thực tế và còn nợ như sau:

- Giao dịch thanh toán bằng thẻ (đã chi): 221.947.991 đồng (1);
- Lãi phát sinh: 139.971.229 đồng (2);
- Phạt chậm trả: 7.305.566 đồng (3);
- Số tiền ông V đã thanh toán (đã trả): 253.640.185 đồng (4);

Số dư nợ gốc còn lại = (1)+ (2) (3)- (4)= 115.584.601 đồng và lãi suất phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 29/12/2015 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng A;

Tính đến ngày 30/9/2024, ông V còn nợ các khoản sau: nợ gốc: 115.584.601 đồng, nợ lãi quá hạn: 101.488.899 đồng; tổng cộng số tiền là 217.073.500 đồng;

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Dương Hoài V trả ngay cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu đến ngày 30/9/2024 là 217.073.500 đồng (trong đó: nợ gốc: 115.584.601 đồng, nợ lãi quá hạn: 101.488.899 đồng);

- Ông Dương Hoài V còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á tính kể từ ngày 01/10/2024 đến ngày trả hết nợ;

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn là ông Dương Hoài V vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Võ Minh T là người đại diện ủy quyền có mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trong Đơn khởi kiện, B tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

- Bị đơn là ông Dương Hoài V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng ông V vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Đơn khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định đây là Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn ông Dương Hoài V có địa chỉ thường trú tại số H A chung cư T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Dương Hoài V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự;

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 29/12/2015 được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, nội dung phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; vì vậy, hợp đồng này có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 29/12/2015 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế

của Ngân hàng A thì ông V có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, lãi hàng tháng và các khoản khác theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng trong quá trình sử dụng thẻ ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 20/4/2020 Ngân hàng A đã chuyển khoản nợ thẻ của ông V sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ. Ngày 03/11/2022, Ngân hàng A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông V. Tính đến ngày 30/9/2024, ông V còn nợ Ngân hàng A số tiền 217.073.500 đồng (trong đó: nợ gốc: 115.584.601 đồng, nợ lãi quá hạn: 101.488.899 đồng);

Xét thấy, ông Dương Hoài V đã không thanh toán đầy đủ và đúng hạn nợ, lãi phát sinh theo thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Dương Hoài V là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét về yêu cầu tính lãi suất:

Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/12/2015; đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông V phải trả số lãi quá hạn cụ thể như sau: từ ngày 20/4/2022 đến ngày 13/7/2023, lãi suất là 40,5%/ năm (3,375%/ tháng), số tiền là 48.300.160 đồng; từ ngày 13/7/2023 đến ngày 30/9/2024, lãi suất là 45%/năm (3,75%/tháng), số tiền 53.188.739 đồng; tổng cộng số tiền lãi quá hạn là 101.488.899 đồng. Xét, khi ký kết hợp đồng tín dụng, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất nêu trên là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nguyên đơn áp dụng lãi suất và thời gian tính lãi đúng quy định của hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, ông V phải thanh toán cho ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Dương Hoài V phải chịu 10.853.675 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 278, 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 7, Điều 8, Điều 12 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Á:

Buộc bị đơn ông Dương Hoài V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền 217.073.500 (Hai trăm mười bảy triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, năm trăm) đồng, cụ thể: nợ gốc: 115.584.601 đồng, nợ lãi quá hạn: 101.488.899 đồng;

Phương thức và thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Dương Hoài V chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.853.675 (Mười triệu, tám trăm năm mươi ba ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm) đồng.

H lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.787.848 (Ba triệu, bảy trăm tám mươi bảy ngàn, tám trăm bốn mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0011528 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thúy Nga

